TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 15-02-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hoàng
Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **ông Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Huỳnh T, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An

Bị đơn: **ông Nguyễn Văn B,** sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Huỳnh T, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **bà Phạm Thị Út H,** sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Huỳnh T, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các trình bày tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc C trình bày: Vào ngày 05/8/2016, ông Nguyễn Văn B có đến nhà của ông C hỏi vay số tiền 40.000.000đ. Khi giao tiền, bà H là vợ của ông C giao tiền cho ông B. Lúc đó, ông B nói ông không mang theo kiếng, ở nhà mới

có kiếng nên ông B chưa làm biên nhận cho ông C. Sau đó khoảng 04-05 ngày thì ông C có đến nhà ông B yêu cầu ông B viết biên nhận nợ. Ông B có viết và ký toàn bộ biên nhận vay tiền. Ông C thấy ông B viết số tiền vay bằng số mà không viết bằng chữ nên ông có kêu con ông B viết thêm số tiền bằng chữ là "Bốn mươi triệu". Đối với ông N, ông C xác định giữa ông với ông N không có quan hệ gì và cũng không có thỏa thuận vay tiền. Ông C biết ông B và ông N có mối quan hệ thân thiết, thường xuyên qua lại với nhau nên giữa ông B và ông N có thỏa thuận gì với nhau ông không biết.

Hiện nay, ông C yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu ông B trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày tại bản tự khai và phiên hòa giải như sau: Ngày 5/8/2016, ông Lương Văn N đến nhà của ông B hỏi vay số tiền 50.000.000đ. Ông N và ông B đến nhà của ông C để hỏi vay tiền. Lúc đó, ông C đang bán lúa. Tại nhà của ông C có mặt ông C, ông B, ông Lương Văn N, bà T là mẹ của ông C và bà Phạm Thị Út H là vợ của ông C. Ông B nói ông C cho ông N mượn 40.000.000đ. Lúc giao tiền bà H là người giao tiền cho ông N. Lúc đó, ông N có viết biên nhận, sau đó ông B về trước.

Hiện nay ông B không đồng ý trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho ông C và bà H vì số tiền này ông N lấy nên ông B không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Út H trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông C. Bà H yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả cho ông C và bà H 40.000.000đ đã vay, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn: vắng mặt tại phiên tòa.
- Ý kiến của kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Quan hệ tranh chấp: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26 BLTT DS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS.
- Thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.
- Các thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiển sát đúng quy định tại chương X BLTTDS.
- Tư cách đương sự: Việc xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLDS.
- Các thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại chương X BLTTDS
- Tư cách đương sự: việc xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.
- Về thu thập chứng cứ: Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ của đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 96, 97, 102 BLTTDS.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của về việc xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo các nguyên tắc xét xử.

+ Tại phiên tòa hôm nay về thành phần Hội đồng xét xử có thay đổi so với quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn đảm bảo theo quy định, những người tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

+ Thủ tục bắt đầu phiên tòa đảm bảo theo quy định BLTTDS. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo công khai dân chủ và được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo quy định tại Điều 247 BLTTDS.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

Ông C khởi kiện ông B yêu cầu ông B trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đã vay. Ông C cung cấp được chứng cứ chứng minh đó là biên nhận vay do ông B viết, ký tên. Nội dung biên nhận thể hiện việc ông B vay tiền của ông C, về số tiền vay và thời gian trả. Mặc dù ông B không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận do ông C cung cấp là của ông nhưng tại bản Kết luận giám định số 3187/C09B ngày 04/9/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký trong biên nhận vay mà ông C cung cấp với các mẫu so sánh (mẫu chữ ký của ông B ký tại Tòa án) đều do cùng một người viết ra. Ông B trình bày số tiền 40.00.000đ ông Lương Văn N vay và nhận tiền nhưng ông B không có cơ sở chứng minh. Qua xác minh tại địa phương xác định được ông N đã bỏ địa phương nên không làm việc được với ông N. Do đó, có cơ sở xác định ông B vay tiền của ông C và viết, ký biên nhận nên yêu cầu

khởi kiện của ông C đối với ông B có cơ sở chấp nhận. Còn giữa ông B với ông N nếu có quan hệ vay tiền hoặc bảo lãnh vay tiền thì sẽ tự giải quyết với nhau, trong trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

Ông C, bà H chỉ yêu cầu ông B trả 40.000.000đ tiền vay gốc, không yêu cầu trả lãi nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định chữ ký: Ông B không thừa nhận chữ viết, chữ ký tại biên nhận vay mà ông C cung cấp và không đồng ý trả nợ. Ông C yêu cầu trưng cầu giám định. Kết quả trưng cầu giám định xác định chữ ký, chữ viết trong biên nhận là của ông B. Ông C đã nộp tạm ứng chi phí giám định xong số tiền 3.180.000đ (phiếu thu số 799 ngày 08/11/2018 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh) nên ông B phải trả lại cho ông C.

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Quốc C không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Văn B phải chịu phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 161, 162, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị Út H số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

2. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc C 3.180.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc C không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ theo biên lai thu số 0003894 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

4. Về nghĩa vụ chậm trả:

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng **Trần Thị Năm** **Nguyễn Thị Ngọc Ánh**